

Số: 1617/QĐ-CĐBVN

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An**

## CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 62/2020/QH14; Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 và số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định*

mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Văn bản số 7955/BXD-KCHT ngày 07/8/2025 của Bộ Xây dựng chấp thuận danh mục chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì hệ thống quốc lộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 943/QĐ-KQLĐBII ngày 17/9/2025 của Giám đốc Khu Quản lý đường bộ II về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ĐTXD, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930 và Km467+00; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của Khu Quản lý đường bộ II tại Tờ trình số 154/TTr-KQLĐBII ngày 10/10/2025 trình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Dự án và Văn bản số 1439/KQLĐBII-KHTC ngày 30/10/2025 về việc hoàn thiện hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930 và Km467+00; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 -

*Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An; kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 2 lập;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 24/TĐ-KQTD ngày 30/10/2025,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Điều chỉnh tên Dự án**

- Tên Dự án theo Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục ĐBVN: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930 và Km467+00; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An.

- Tên Dự án điều chỉnh: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An.

**Điều 2. Phê duyệt dự án:** Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400,

Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An.

2. Địa điểm xây dựng: Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An.

3. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ II.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 2.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính

- Loại, nhóm dự án: Sửa chữa công trình giao thông đường bộ, nhóm C.

- Cấp công trình: Công trình đường bộ cấp II (công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ để duy trì cấp của Quốc lộ 1 hiện tại).

7. Mục tiêu dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An để đảm bảo điều kiện khai thác và đảm bảo an toàn giao thông.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp sửa chữa chủ yếu

8.1. Quy mô: Giữ nguyên quy mô công trình hiện hữu, tiến hành sửa chữa hư hỏng kết cấu nền mặt đường; sửa chữa rãnh thoát nước dọc; sửa chữa cầu; cải tạo nút giao; sửa chữa hệ thống ATGT và điện chiếu sáng nhằm hạn chế sự gia tăng hư hỏng, xuống cấp và duy trì khả năng khai thác, kéo dài tuổi thọ công trình.

8.2. Phạm vi: Nền mặt đường các đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; nút giao Km441+930; rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An.

8.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.3.1. Sửa chữa nền, mặt đường các đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P):

a) Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang:

Giữ nguyên tim tuyến và các yếu tố hình học theo bình đồ, trắc dọc, trắc ngang tuyến hiện hữu.

b) Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường:

- Đối với các đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P):

+ Tại những vị trí mặt đường bị nứt rạn mai rùa nhẹ đến vừa, hằn lún vệt bánh xe, dòn nhựa (hư hỏng lớp bê tông nhựa phía trên): cào bóc lớp bê tông nhựa bị hư hỏng dày 7cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>; thảm hoàn trả bằng 01 lớp BTNC Polyme 16 (BTNCP 16) đến cao độ mặt đường hiện hữu;

+ Tại những vị trí mặt đường bị nứt rạn mai rùa nặng, hằn lún vệt bánh xe, đầy trời nhựa nặng (hư hỏng cả 02 lớp bê tông nhựa): cào bóc các lớp bê tông nhựa bị hư hỏng, sau đó hoàn trả mặt đường với kết cấu theo thứ tự từ trên xuống như sau: lớp BTNCP 16 dày 7cm, nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>, lớp bê tông nhựa chặt (BTNC) 19 dày 8cm, nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>.

+ Đối với các vị trí mặt đường hư hỏng kết cấu (hư hỏng đến lớp móng CPĐĐ): Cào bóc, cắt mặt đường, đào bỏ kết cấu móng, mặt đường cũ hư hỏng dày tối thiểu 31cm, lu lèn tạo phẳng lớp móng, hoàn trả móng, mặt đường với kết cấu theo thứ tự từ trên xuống như sau: Lớp BTNCP 16 dày 7cm, nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>, lớp BTNC 19 dày 8cm; nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>; lớp SAMI bằng láng nhũ tương nhựa đường 2 lớp tiêu chuẩn 2,7kg/m<sup>2</sup>; lớp cấp phối đá dăm loại I gia cố xi măng dày tối thiểu 15cm.

- Đối với các đoạn Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P):

+ Tại những vị trí mặt đường bị nứt rạn mai rùa nhẹ đến vừa, hằn lún vệt bánh xe, dòn nhựa (hư hỏng lớp bê tông nhựa phía trên): cào bóc lớp bê tông nhựa bị hư hỏng dày 7cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>; thảm hoàn trả bằng 01 lớp BTNC Polyme 16 (BTNCP 16) đến cao độ mặt đường hiện hữu;

+ Tại những vị trí mặt đường bị nứt rạn mai rùa nặng, hằn lún vệt bánh xe, đầy trời nhựa nặng (hư hỏng cả 02 lớp bê tông nhựa): cào bóc các lớp bê tông nhựa bị hư hỏng, sau đó hoàn trả mặt đường với kết cấu theo thứ tự từ trên xuống như sau: lớp BTNCP 16 dày 7cm, nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>, lớp BTNC 19 dày 7cm, nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>.

+ Đối với các vị trí mặt đường hư hỏng kết cấu (hư hỏng đến lớp móng CPĐĐ): Cào bóc, cắt mặt đường, đào bỏ kết cấu móng, mặt đường cũ hư hỏng dày

tối thiểu 30cm, lu lèn tạo phẳng lớp móng, hoàn trả móng, mặt đường với kết cấu theo thứ tự từ trên xuống như sau: Lớp BTNCP 16 dày 7cm, nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>, lớp BTNC 19 dày 7cm; nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>; lớp SAMI bằng láng nhũ tương nhựa đường 2 lớp tiêu chuẩn 2,7kg/m<sup>2</sup>; lớp cấp phối đá dăm loại I gia cố xi măng dày tối thiểu 15cm.

### 8.3.2. Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581:

Cào bóc lớp bê tông nhựa bị hư hỏng dày 7cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>; thảm hoàn trả bằng 01 lớp BTNCP 16 đến cao độ mặt đường hiện hữu.

### 8.3.3. Cải tạo nút giao Km441+930:

- Tổ chức lại hệ thống an toàn giao thông trong phạm vi nút giao: Sơn hoàn trả các vạch sơn bị mờ, bổ sung các biển báo, đỉnh phản quang, vạch sơn còn thiếu (vạch dẫn hướng, phân làn, gờ giảm tốc,...).

- Bổ sung cột biển báo dạng cần vươn, cột cao 6,2m, tay vươn 4m.

8.3.4. Sửa chữa hệ thống thoát nước dọc các đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P):

#### a) Hệ thống rãnh dọc:

- Thiết kế hệ thống rãnh dọc có nắp đậy, tiết diện chữ U bằng bê tông cốt thép 25MPa; chiều dài mỗi đốt rãnh 1,5m; chiều rộng lòng rãnh B=0,6m; chiều cao thân rãnh thay đổi tùy theo địa hình.

- Thân rãnh bằng BTCT 25MPa đúc sẵn; phần chiều cao thay đổi bằng bê tông cốt thép 25MPa đổ tại chỗ; chiều dày thân rãnh 12cm đối với các đoạn chiều cao thân rãnh ≤ 1m và 15cm đối với các đoạn chiều cao thân rãnh > 1m.

- Tấm đan chịu lực bằng bê tông cốt thép 25MPa dày 15cm đúc sẵn, bố trí khe ở hai đầu tấm đan để thu nước trực tiếp xuống rãnh.

- Tại các vị trí qua đường ngang, đường dân sinh,... lắp đặt rãnh hộp bê tông cốt thép 25MPa đúc sẵn, chiều rộng B = 0,6m, chiều dày thân rãnh 15cm.

- Đệm móng đáy rãnh bằng cát đệm dày 5cm.

#### b) Cửa xả:

Cửa xả bằng bê tông xi măng 16MPa đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

#### c) Gia cố lề:

Phần lề đường tiếp giáp giữa rãnh dọc và mép mặt đường được gia cố bằng bê tông xi măng 20MPa đổ tại chỗ dày 22cm trên lớp ni lông lót.

#### d) Hoàn trả đường ngang, sân nhà dân:

Hoàn trả lại kết cấu đường ngang sau khi thi công bằng bê tông xi măng 20MPa dày 25cm trên lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, các vị trí sân nhà dân hoàn trả bằng kết cấu đảm bảo phù hợp hiện trạng.

### 8.3.5. Sửa chữa các cầu:

#### 8.3.5.1. Sửa chữa cầu Bùng Km421+110 (PT):

##### a) Bổ sung dầm ngang đơn nguyên cầu cũ:

Bổ sung dầm ngang tại các vị trí 1/3 và 2/3 trên 04 nhịp cầu bằng bê tông cốt thép không co ngót 40MPa, chiều dày 30cm.

b) Sửa chữa lan can cầu trên đơn nguyên cầu cũ: Tháo dỡ lan can trái tuyến bị hư hỏng; thay mới bằng lan can thép mạ kẽm.

c) Sửa chữa dầm cầu trên đơn nguyên cầu cũ: Đục tẩy lớp bê tông rạn nứt, bong tróc; tẩy gỉ cốt thép hiện hữu; quét dính bám bằng phụ gia Vmat Latex HC (hoặc vật liệu tương đương); trám vá hoàn trả lại bề mặt bê tông bằng vữa Vmat Mortar R (hoặc vật liệu tương đương).

d) Sửa chữa hệ thống thoát nước đơn nguyên cầu cũ: Bổ sung ống thoát nước kết hợp nắp chắn rác bằng ống nhựa PVC D150.

e) Sửa chữa mặt cầu đơn nguyên cầu cũ:

Cào bóc lớp BTN mặt cầu bị hư hỏng dày 5cm; vệ sinh tạo nhám bản mặt cầu; phun lớp phòng nước; hoàn trả bằng BTNCP 16 dày 5cm.

g) Sửa chữa đường đầu cầu đơn nguyên cầu cũ:

Cào bóc lớp bê tông nhựa bị hư hỏng dày 7cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>; thảm hoàn trả bằng 01 lớp BTNCP 16 đến cao độ mặt đường hiện hữu.

h) Bổ sung thang kiểm tra cầu đơn nguyên cầu cũ:

Bổ sung thang kiểm tra cầu tại các vị trí trụ cầu. Cấu tạo thang kiểm tra bằng tổ hợp thép mạ kẽm nhúng nóng, cụ thể:

- Hệ sàn đạo cầu tạo bằng các thanh thép hình mạ kẽm liên kết bằng các bu lông được khoan cấy vào thân trụ, mố cầu hiện hữu.

- Sàn thang cầu tạo bằng các thanh thép hình làm khung đỡ cho mặt sàn bằng tấm grating.

- Lan can, tay vịn cầu tạo bằng thép hộp và thép tròn với các thanh đứng liên kết với sàn thang.

- Thang lên xuống cầu tạo bằng các thanh thép hộp và thép góc, có bố trí lồng an toàn bằng thép tròn, thang liên kết bằng các bu lông được khoan cấy vào gờ lan can cầu hiện hữu.

i) Sửa chữa đá kê gối, gối cầu đơn nguyên cầu cũ:

- Phá dỡ các đá kê gối bị hư hỏng, thay thế đá kê gối bằng bê tông cốt thép không co ngót 40MPa.

- Tháo dỡ các gối cầu bị hư hỏng, thay thế bằng gối cao su bản thép đảm bảo về tải trọng, chuyển vị và góc xoay.

h) Sửa chữa vết nứt xà mũ trụ đơn nguyên cầu cũ:

Vệ sinh, bơm keo gốc epoxy vào các vết nứt kích thước > 0,2mm.

j) Sửa chữa hệ thống an toàn giao thông:

- Gia cố chân cột hộ lan tôn sóng bằng bê tông xi măng 12MPa dày 7cm trên lớp ni lông lót.

- Sơn hoàn trả hệ thống vạch sơn bằng sơn dẻo nhiệt phản quang theo QCVN

41:2024/BGTVT và theo yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông TCVN 8791:2011.

#### 8.3.5.2. Sửa chữa cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT):

a) Gia cố tăng cường khả năng chịu lực đầu dầm đơn nguyên cầu cũ:

- Đục bỏ các vị trí bê tông đầu dầm bị nứt vỡ, hư hỏng, tạo nhám bề mặt bê tông, quét dính bám bằng phụ gia Vmat Latex HC (hoặc vật liệu tương đương), gia cố tăng cường khả năng chịu lực đầu dầm bằng bê tông cốt thép không co ngót 40MPa, chiều dày mỗi bên 10cm, phạm vi 1,5m đầu dầm.

- Thay thế tấm đệm cao su bị hư hỏng bằng gôỉ cao su cốt bản thép đảm bảo về tải trọng, chuyển vị và góc xoay;

b) Bổ sung dầm ngang đơn nguyên cầu cũ:

Bổ sung dầm ngang tại 02 vị trí đầu dầm bằng bê tông cốt thép không co ngót 40MPa, chiều dày 30cm.

c) Sửa chữa đường đầu cầu đơn nguyên cầu cũ:

Cào bóc lớp bê tông nhựa bị hư hỏng dày 7cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>; thảm hoàn trả bằng 01 lớp BTNCP 16 đến cao độ mặt đường hiện hữu.

d) Sửa chữa hệ thống an toàn giao thông:

- Gia cố chân cột hộ lan tôn sóng bằng BTXM 12MPa dày 7cm trên lớp ni lông lót.

- Sơn hoàn trả hệ thống vạch sơn bằng sơn dẻo nhiệt phản quang theo QCVN 41:2024/BGTVT và theo yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông TCVN 8791:2011.

#### 8.3.6. Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00:

- Thay mới các bóng đèn chiếu sáng cũ bị hư hỏng bằng loại Đèn LED có công suất 120W;

- Thay thế 01 cột đèn chiếu sáng bị hư hỏng.

- Thay thế một số bảng điện, nắp cửa cột bị hư hỏng, lắp đặt dây cáp từ cửa cột lên đèn.

#### 8.3.7. Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông

- Sơn hoàn trả, hoàn thiện hệ thống vạch sơn bằng sơn dẻo nhiệt phản quang theo QCVN 41:2024/BGTVT và yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông TCVN 8791:2011.

- Sửa chữa các hư hỏng hộ lan tôn sóng; bổ sung đoạn chuyển tiếp đầu hộ lan tôn sóng nối xuống đất theo chiều xe chạy để nâng cao an toàn giao thông.

- Tận dụng lại hệ thống an toàn giao thông (cọc tiêu, cọc H, cột Km, biển báo,...) còn tốt; sửa chữa, thay thế, bổ sung các vị trí bị hư hỏng, còn thiếu, không đảm bảo tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn giao thông.

Tổng mức đầu tư xây dựng công trình duyệt: **47.836.054.000** đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu, không trăm năm mươi tư nghìn đồng*). Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	41.887.111.000	đồng
+ Chi phí quản lý dự án	928.498.000	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.040.590.000	đồng
+ Chi phí khác:	701.948.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	2.277.907.000	đồng

(*Có bảng chi tiết kèm theo*)

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026 (theo kế hoạch vốn được giao).

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách Nhà nước, nguồn sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ; theo kế hoạch dự toán chi được giao.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Yêu cầu Khu Quản lý đường bộ II tổ chức thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện các yêu cầu sau:

#### 1.1. Công tác hoàn thiện hồ sơ, thủ tục

- Căn cứ các nội dung được duyệt tại Quyết định này và Báo cáo thẩm định của Phòng Thẩm định, Khu Quản lý đường bộ II chỉ đạo đơn vị Tư vấn thiết kế hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật trong thuyết minh thiết kế làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo, tuân thủ quy định.

- Trong quá trình triển khai, yêu cầu Khu Quản lý đường bộ II lưu ý thực hiện các chỉ đạo của Cục Đường bộ Việt Nam tại văn bản số 4829/CĐBVN-QLBT ngày 22/9/2025 về việc triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì hệ thống quốc lộ năm 2026.

#### 1.2. Trước khi triển khai thi công

- Lập tiến độ thi công chi tiết của từng hạng mục công việc chính, phù hợp với tiến độ tổng thể; kiểm soát và đẩy nhanh tiến độ thi công để giảm thiểu tối đa thời gian thi công, hạn chế ảnh hưởng tới giao thông trên tuyến.

- Khu Quản lý đường bộ II, Nhà thầu thi công có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác đảm bảo an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, an toàn cháy nổ,... theo quy định.

- Rà soát quy cách vật liệu và cấu tạo chi tiết liên kết cốt thép dầm ngang vào dầm chủ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; kiểm tra rà soát và khẳng định rõ việc bổ sung dầm ngang không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, biến dạng của dầm chủ.

- Rà soát hệ thống chiếu sáng hiện hữu, đảm bảo thiết kế sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng đúng thông số, phù hợp với hệ thống điện đang vận hành.

#### 1.3. Trong quá trình thi công

- Khu Quản lý đường bộ II, Tư vấn giám sát, Nhà thầu có trách nhiệm rà soát các dự án đã, đang triển khai đảm bảo không chồng chéo về phạm vi và khối lượng thực hiện.

- Rà soát, đánh giá bổ sung hiện trạng hư hỏng nền, mặt đường hiện hữu và phạm vi cần sửa chữa hư hỏng; căn cứ tình trạng hư hỏng móng, mặt đường thực tế, kết quả đào bóc từng lớp kết cấu, đánh giá tình trạng hư hỏng các lớp bên dưới để xác định phạm vi, chiều sâu xử lý, điều chỉnh giải pháp sửa chữa (nếu cần thiết) cho phù hợp đảm bảo sửa chữa chất lượng, triệt để hư hỏng và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý cục bộ các vướng mắc về GPMB và di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật (nếu có), thống nhất các vị trí cửa xả, tổ chức thi công hệ thống thoát nước bắt đầu từ phía cửa xả và chỉ thi công khi không có vướng mắc về GPMB, cửa xả.

- Căn cứ điều kiện địa hình, địa chất thực tế để chuẩn xác phạm vi xây dựng và kết cấu hệ thống thoát nước, vị trí đầu nối, vị trí cửa xả, các đoạn qua nút giao, đường giao; quyết định cao độ, giải pháp xử lý cửa xả cho phù hợp.

- Tiếp tục rà soát kỹ hệ thống an toàn giao thông để hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông (nếu có) đảm bảo tuân thủ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Nhà thầu phải tổ chức hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện đầy đủ các yêu cầu về quản lý chất lượng theo đúng quy định. Chỉ cho phép Nhà thầu triển khai thi công khi có đầy đủ hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu.

- Chỉ đạo Tư vấn giám sát cử cán bộ thường xuyên tại hiện trường, phối hợp với Nhà thầu để xử lý các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thi công, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.

- Chỉ đạo Nhà thầu và các đơn vị liên quan tổ chức đảm bảo an toàn giao thông và môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành; bố trí đầy đủ biển báo, rào chắn,... hạn chế tối đa ảnh hưởng đến việc đi lại và sinh hoạt của người dân trong khu vực.

2. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan theo quy định.

**Điều 4.** Trưởng các Phòng: Thẩm định; Quản lý, bảo trì; Kế hoạch - Tài chính; Giám đốc Khu Quản lý đường bộ II và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục trưởng (để b/c);
- Kho Bạc Nhà nước liên quan;
- Các đơn vị liên quan (Khu QLDB II sao, gửi);
- Lưu: VT, TĐ<sub>(L.T.Kiên)</sub>.

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Ngô Lâm**

## Phụ lục 1

### DANH MỤC TIÊU CHUẨN CHỦ YẾU ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN

Dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐBVN ngày /11/2025 của Cục ĐBVN)*

- TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu;
- TCVN 11676:2016 Công trình xây dựng - Phân cấp đất đá trong thi công;
- TCVN 12790:2020 Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor;
- TCVN 13049:2020 Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 14270:2024 Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám (EAP) - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9505:2012 Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường a xít - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 7493:2005 ÷ TCVN 7504:2005 Bi tum - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 13567-1:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- TCVN 13567-2:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường Polyme;
- TCVN 8817:2011 Nhũ tương nhựa đường a xít;
- TCVN 8818-1:2011 Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8859:2023 Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8858:2023 Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối<sup>1</sup>;
- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 9115:2019 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;
- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCVN 11823:2017 Tiêu chuẩn thiết kế cầu;
- + TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- + TCVN 11815:2017 Thiết kế công trình phụ trợ trong thi công cầu;
- + TCVN 12885:2020 Tiêu chuẩn thi công cầu đường bộ;
- + TCVN 8774:2012 An toàn thi công cầu.
- TCVN 10308:2014 Gói cầu cao su cốt bản thép không có tấm trượt trong cầu đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- TCVN 8791:2011 Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 7887:2018 Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 12584:2019 Tiêu chuẩn quốc gia về trang thiết bị ATGT đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- TCVN 12681:2019 Tiêu chuẩn quốc gia về trang thiết bị ATGT đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng;
- QCVN 07-7:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng;
- TCVN 14182:2024 Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp quy hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

---

<sup>1</sup> Tiêu chuẩn đang được sửa đổi thay thế.

**Phụ lục 2**

**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Công trình: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km407+800 - Km408+700 (P), Km410+800 - Km411+200, Km412+300 - Km412+800 (P), Km412+250 - Km412+530 (T), Km414+100 - Km415+400 (P), Km416+00 - Km416+570 (P), Km423+00 - Km424+00 (P), Km428+950 - Km430+400, Km434+00 - Km434+600 (P), Km435+600 - Km436+810 (T), Km446+200 - Km446+650 (T+P); Sửa chữa mặt đường hai đầu cầu Vượt Đường Sắt Km437+581; Cải tạo nút giao Km441+930; Sửa chữa rãnh thoát nước dọc đoạn Km440+890 - Km441+050 (T), Km443+950 - Km444+200 (P), Km445+270 - Km445+360 (P); Sửa chữa hư hỏng cầu Bùng Km421+110 (PT), cầu Khe Giát Km434+ 672 (PT); Sửa chữa điện chiếu sáng đoạn Km425+00 - Km449+00, Quốc lộ 1, tỉnh Nghệ An

( Kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐBVN ngày tháng 11 năm 2025 của Cục Đường bộ Việt Nam)

Đơn vị: Đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>Chi phí Xây dựng</b>	<b>Gepxd</b>	<i>Dự toán chi tiết</i>	38.784.361.712	3.102.748.937	<b>41.887.111.000</b>	VAT 8%
<b>II</b>	<b>Chi phí Quản lý dự án</b>	<b>Gqlda</b>	<i>2,394% x Gxdtt</i>	928.497.619		<b>928.498.000</b>	TT12/2021/TT-BXD
<b>III</b>	<b>Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>Gtv</b>				<b>2.040.590.000</b>	
1	Chi phí khảo sát	Gtv1	<i>Theo HD số 958/2025/HĐ-TV ngày 19/09/2025</i>	221.702.778	17.736.222	239.439.000	VAT 8%
	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		<i>Theo giá trị min giữa chi phí theo TT 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 và HD số 958/2025/HĐ-TV ngày 19/09/2025</i>	494.152.765	39.532.221	533.684.986	VAT 8%
2	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv2	<i>2,485% x Gxdtt</i>	963.791.389	77.103.311	1.040.895.000	TT12/2021/TT-BXD
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu & đánh giá hồ sơ dự thầu						
3	<i>Gói thầu Khảo sát, lập báo cáo Kinh tế - kỹ thuật</i>	Gtv3	<i>x G<sub>GT</sub> (tối thiểu 0,4% 6.000.000đ; tối đa 120.000.000đ)</i>	6.000.000		6.000.000	NĐ214/2025/NĐ-CP
4	<i>Gói thầu xây lắp</i>	Gtv4	<i>x G<sub>GT</sub> (tối thiểu 0,4% 6.000.000đ; tối đa 120.000.000đ)</i>	120.000.000		120.000.000	NĐ214/2025/NĐ-CP
6	<i>Gói thầu Tư vấn giám sát</i>	Gtv5	<i>x G<sub>GT</sub> (tối thiểu 0,4% 6.000.000đ; tối đa 120.000.000đ)</i>	6.000.000		6.000.000	NĐ214/2025/NĐ-CP
	Chi phí thẩm định HS mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu						
7	<i>Gói thầu Khảo sát, lập báo cáo Kinh tế - kỹ thuật</i>	Gtv6	<i>x G<sub>GT</sub> (tối thiểu 0,2% 5.000.000đ; tối đa 120.000.000đ)</i>	5.000.000		5.000.000	NĐ214/2025/NĐ-CP
8	<i>Gói thầu xây lắp</i>	Gtv7	<i>x G<sub>GT</sub> (tối thiểu 0,2% 5.000.000đ; tối đa 120.000.000đ)</i>	84.571.078		84.571.000	NĐ214/2025/NĐ-CP

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ	GHI CHÚ
10	Gói thầu Tư vấn giám sát	Gtv8	$x G_{GT}$ (tối thiểu 0,2% 5.000.000đ; tối đa 120.000.000đ)	5.000.000		5.000.000	NĐ214/2025/NĐ-CP
<b>IV</b>	<b>Chi phí Khác</b>	<b>Gk</b>				<b>701.948.000</b>	
1	Phí thẩm định báo cáo Kinh tế - kỹ thuật	Gk1	$0,015\% \times TMĐT \times 50\%$	3.629.110		3.629.000	TT28/2023/TT-BTC
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk2	$0,30\% \times S \times 50\%$	67.653.848		67.654.000	NĐ254/2025/NĐ-CP
3	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk3	$0,47\% \times S$	215.034.454	17.202.756	232.237.000	NĐ254/2025/NĐ-CP
4	Chi phí bảo đảm an toàn giao thông	Gk4	<i>Chi tiết</i>	368.914.959	29.513.197	398.428.000	VAT 8%
<b>V</b>	<b>TỔNG</b>	<b>S</b>		<b>42.274.309.712</b>	<b>3.283.836.644</b>	<b>45.558.147.000</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>Gdp</b>	$5,0\% \times S$			<b>2.277.907.000</b>	
	<b>TỔNG CỘNG ( I+II+III+IV+V)</b>					<b>47.836.054.000</b>	